

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1		P1+P2+TD1	7:25	2+2+18	0+0+0		0+3+18	0+0+0	
2		CNV+MRM+TD1	7:25	1+12+9	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
3		C10+CTK3 + K3	9:25	19+3	0+0		13+1	0+0	
4		TĐ5+K3+MRM	9:25	7+2+13	0+0+0		3+4+15	0+0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2018	TO: P1 - P2 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TUẤN ANH	P1	67-68	2	18		80	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	P1	65-66	2	20		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ DÙ	P2	95-96	2	16	20	66	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG NAM	P2	58	1	5		65	KHI	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1				20	75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HIỆU	TD1	77	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
7	KRAVSOV ALEXSANDER	TD1	69	1	8		79	DVL	Russian
8	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	78	1	10	20	73	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG XUÂN THĂNG	TD1	65	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ QUỐC BAO	TD1	73	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	67-68	2	7		66	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG ANH TUẤN	TD1	66	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH LUAN	TD1	56	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VIỆT LINH	TD1	74	1	5		96	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	70	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
17	HA THANH TUNG	TD1	59	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN LEO*	TD1	60	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD1	63-64	2	15		55	DVL	Vietnamese
20	LE HOAI THIEN	TD1	61	1	11		78	DVL	Vietnamese
21	PHẠM VĂN CƯỜNG	TD1	71-72	2	19	78	85	DVL	Vietnamese
22	ĐẠO ANH HUYNH	TD1	62	1	9	22	75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	2	4	38	150	0	0		
2	P2	2	3	21	131	20	6		
3	TD1	18	19	117	1.329	140	18		
TOTAL		22	26	176	1.610	160	22		
WEIGHT KG				176	1.610	160			

GRAND TOAL: 1.946 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2018	TO: CNV - MRM - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHai - DKHANH - DSon -	ETA: 09:15
cam-1		THAO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SYED S.B SYED TAHIR	CNV	44	1	10	15	65	KH-THAC	Malaysian
2	TIKHONOV EVGEHII	MRM	34	1	3		96	KHOAN	Russian
3	GENNADY DVORYANKIN	MRM	35	1	11		95	KHOAN	Russian
4	NGUYEN THANH DUY	MRM	36	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
5	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	31	1	7		102	KHOAN	Russian
6	BLOKHINOV ALEXEY	MRM	17	1	8		100	KHOAN	Russian
7	MIKOLAYCHUK VLADIMIR	MRM	29	1	15		99	KHOAN	Russian
8	IAREMCHENKO TARAS	MRM	18	1	2		85	KHOAN	Russian
9	TITENKO VITALY	MRM	32	1	15	22	114	KHOAN	Russian
10	TSVETKOV OLEG	MRM	33	1	12		105	KHOAN	Russian
11	PETEL SERGEY	MRM	26	1	5		92	KHOAN	Russian
12	MAISHEV VLADIMIR	MRM	30	1	9		98	KHOAN	Russian
13	TRINH CHI CUONG	MRM	37	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOAN MINH HƯƠNG	TD1	03	1	10		59	DVL	Vietnamese
15	VU HOANG TAN	TD1	06-07	2	20		93	DVL	Vietnamese
16	HUYNH VU TINH	TD1	10	1	7		66	DVL	Vietnamese
17	ĐO VAN THAI	TD1	04	1	15		70	DVL	Vietnamese
18	LY NHAT TRUONG	TD1	05	1	14		75	DVL	Vietnamese
19	TRAN VAN MANH	TD1	02	1	12		71	DVL	Vietnamese
20	TONG TIEN QUANG	TD1	01	1	15		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN DUONG	TD1	09	1	5		82	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	1	1	10	65	15	0		
2	MRM	12	12	96	1.101	22	10		
3	TD1	8	9	98	591	0	12		
TOTAL		21	22	204	1.757	37	22		
WEIGHT KG				204	1.757	37			

GRAND TOAL: 1.998 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2018	TO: CLO - CTK3 - BK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - HUY	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THỌ	CLO	37	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
2	KOROLOV V.P	CLO	40	1	7		91	KHOAN	Russian
3	ANDRIUSHENKO	CLO	48	1	4		123	KHOAN	Russian
4	GONCHAROV SERGEY	CLO	38	1	10	95	100	KHOAN	Russian
5	VUONG NGOC HOAN	CLO	42	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN CONG PHU	CLO	45	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TUONG LONG	CLO	51	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	VU THE NANG	CLO	36	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐANG KIM DUONG	CLO	35	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NHU BANG	CLO	52	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
11	VU MINH TU	CLO	41	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN LONG	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN ĐONG	CLO	39	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN TAM	CLO	50	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN BUI QUANG	CLO	46	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	YUKIM CHUK	CLO	49	1	10	5	80	KH-THAC	Russian
17	HỒ NGỌC BÈN	CLO	43	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN QUY	CLO	47	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN AN NINH	CLO	44	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
20	MOHD IRWANIZA B.A BAKAR	CTK3	01-02	2	15		97	KH-THAC	Malaysian
21	PHAM VAN HUNG	BK3	15	1	10		70	T-TIN	Vietnamese
22	LE QUANG HOAN	BK3	16	1	10	7	67	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	18	119	1.453	100	13		01 GHE PHU : NGO TRONG MINH DIEU PHAI
2	CTK3	1	2	15	97	0	1		
3	BK3	2	2	20	137	7	4		
TOTAL		22	22	154	1.687	107	18		
WEIGHT KG				154	1.687	107			

GRAND TOAL: 1.948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2018	TO: TD5 - MRM	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHai - DKHANH - DSON -	ETA: 11:25
TRANG-2		THAO	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SADOVNICHENKO DIMITRII	TD5	42	1	10		94	KHOAN	Russian
2	ĐO VĂN QUANG	TD5	48	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH TIEN	TD5	47	1	10	20	85	KHOAN	Vietnamese
4	VU BA THUAN	TD5	43	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH HUU CAN	TD5	46	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN TAM	TD5	44	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD5	45	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN CHINH CUONG	MRM	52	1	13		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THUY	MRM	48	1	6		70	D-HANH	Vietnamese
10	TRAN QUOC HUONG	MRM	44-45	2	17		98	KHOAN	Vietnamese
11	GAREEV TIMUR	MRM	47	1	12		110	KHOAN	Russian
12	KOSOV	MRM	51	1	8		76	KHOAN	Russian
13	SOKOLOV KONSTANTIN	MRM	46	1	6		95	KHOAN	Russian
14	BYKOV ARTUR	MRM	41	1	6		108	KHOAN	Russian
15	ZYANGIROV FARIT	MRM	42	1	10		84	KHOAN	Russian
16	CHERNYSHEV VALERII	MRM	49	1	8		110	KHOAN	Russian
17	STEPANOV	MRM	39	1	5		110	KHOAN	Russian
18	ZASTAVNY VASILII	MRM	50	1	5		76	KHOAN	Russian
19	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	43	1	8		69	KHOAN	Russian
20	KOTOV ALEKSEI	MRM	40	1	8		97	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	7	71	536	20	3		
2	MRM	13	14	112	1.170	0	15		
TOTAL		20	21	183	1.706	20	18		
WEIGHT KG				183	1.706	20			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	AMD+BK6+BK5	7:25	12+6+4	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
2	424	P1+P4	7:25	8+14	0+0		8+14	0+0	
3	846	BK16+P5+P7	7:25	2+8+12	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
4	426	P2+CLO	7:25	21+1	0+0		16+6	0+0	
5	406	P2+TGTH5	9:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
6	846	AMD+BK3+P3	9:25	11+0+11	0+0+0		8+0+14	0+0+0	chuyen 2 pax bk3-p3
7	426	TD3+P10+P5	9:25	5+6+11	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
8	424	P1	9:25	22	0		22	0	
9	406	AMD	11:25	22	0		19	0	
10	424	P9+P4	11:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
11	846	TTC3+P4+P7	11:25	4+10+8	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
12	426	PPD+BK6+P5	11:25	19+3+0	0+0+0		7+6+9	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày BK6-4 người.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: AMD - BK6 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYEN - Phong - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HAI	AMD	71	1	10	20	62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM TUAN HA	AMD	76-77	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THANH BINH	AMD	67	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG THANH	AMD	70	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU HUU CHINH	AMD	68	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC ANH	AMD	79-80	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HOANG	AMD	78	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MANH HUNG	AMD	73-74	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THANH DANH	AMD	72	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN TINH	AMD	81	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
11	DO VIET PHUONG	AMD	69	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VIET	AMD	75	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
13	KRAMARENKO	BK6	46	1	2	40	70	D-HANH	Russian
14	KHRENNHIKOV	BK6	47	1	5		92	D-HANH	Russian
15	KRAPIVKA	BK6	48	1	2		80	KH-THAC	Russian
16	KAZIKOV	BK6	41	1	10		100	ANTOAN	Russian
17	TRAN VAN CU	BK6	14	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN SON TRUONG	BK6	47	1	5	12	63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN TAP	BK5	22	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN VAN TRINH	BK5	24	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THE DUONG	BK5	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	23	1	6		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	15	99	849	20	8		
2	BK6	6	6	26	470	52	4		
3	BK5	4	4	22	253	40	10		
TOTAL		22	25	147	1.572	112	22		
WEIGHT KG				147	1.572	112			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: P1 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHai - Khanh - DSon -	ETA: 09:30
TRANG-1		THAO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSOPANOV A.V	P1	17	1	7		95	KH-THAC	Russian
2	LE HONG QUAN	P1	13	1	10		67	YTE	Vietnamese
3	TRAN VAN TRUONG	P1	700	1	7		67	PSV	Vietnamese
4	NINH QUOC HOI	P1	18	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	KYSELEV	P1	16	1	5	72	95	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN DUC THANG	P1	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG CONG LY	P1	12	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC HAI	P1	10-11	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN TRUNG	P4	61-62	2	10		68	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGHI	P4	69	1	3		70	PSV	Vietnamese
11	DAU CONG SAU	P4	63	1	4		81	PSV	Vietnamese
12	PHAM BA NGAN	P4	64	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	MARZIEV	P4	68	1	12		80	KH-THAC	Russian
14	SOKOLIUK	P4	67	1	6	35	77	KH-THAC	Russian
15	VLASOV	P4					95	KH-THAC	Russian
16	DO HUU NAM	P4	60	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN SI TUAN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN ANH DUC	P4	66	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO MINH TUAN	P4	70-71	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KIM SON	P4	59	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG HONG VIET	P4	65	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THUONG	P4	58	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	9	56	613	72	8		
2	P4	14	14	76	1.027	35	14		
TOTAL		22	23	132	1.640	107	22		
WEIGHT KG				132	1.640	107			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23-Apr-18	TO: BK16 - P5 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VU HUNG	BK16	70	1	12	55	80	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC THONG	BK16	71	1	7	40	70	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN VAN CHANH	P5	23	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET HUNG	P5	91	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TONG XUAN SINH	P5	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN MINH	P5	90	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM DUY QUANG	P5	28	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN MINH THANH	P5	14	1	5	35	50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NGOC	P5	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TRONG NGHIA	P5	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO TUAN CHU	P7	75	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	NGO THAI HA	P7	73	1	7		56	DK9	Vietnamese
13	HOANG VAN TUYEN	P7	70	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	SAGIROV A.S	P7	91	1	5		90	KH-THAC	Russian
15	TRAN QUY TRUNG	P7	74	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LUONG QUOC VUONG	P7				20	75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH HOAI NAM	P7	94-95	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI VAN SON	P7	92-93	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BAC	P7	72	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VINH	P7	96	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM NGOC SON	P7					70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRINH VAN PHUONG	P7					76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	2	2	19	150	95	0		
2	P5	8	8	49	544	35	7		
3	P7	12	11	77	873	20	15		
TOTAL		22	21	145	1.567	150	22		
WEIGHT KG				145	1.567	150			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: P2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN NIN	P2	52	1	10	25	79	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ DUY TOÀN	P2	42	1	4	20	64	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG XUAN ĐIỆP	P2	096	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỒ VĂN ĐĂNG	P2	097	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC HUNG	P2	098	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NAM	P2	95	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN THIEN	P2	69	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ANH VŨ	P2	98	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	67	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGHĨA TÀI	P2	97	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN THAI	P2	53	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÙNG	P2	2099	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ CHÈ LINH	P2	100	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HUY QUYNH	P2	099	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SỸ VANG	P2	53	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HOANG TÂM	P2	2098	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	51	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THANH HIÊN	P2	68	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TAN QUAN	P2	095	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG KHÔI	P2	99	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN NAM	P2	900	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
22	SAFONOV	CLO	34	1	10		78	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	21	115	1.399	45	16		
2	CLO	1	1	10	78	0	6		
TOTAL		22	22	125	1.477	45	22		
WEIGHT KG				125	1.477	45			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: P2 - TGTH5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Phong - THỤ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THAI BÌNH	P2	893	1	5	15	60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN CHUÔNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
3	TÀ VĂN VIỆT	P2	29	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG LƯU	P2	89	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VĂN SƠN	P2	36	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN THOÀ	P2	26	1	11		73	CODIEN	Vietnamese
7	DANG TIEN TOAN	P2	56	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
8	ĐÀO NGỌC TUYỀN	P2	30-31	2	10		76	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOAI NAM	P2	33-34	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN DUY TIẾP	P2	38	1	7		62	PSV	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HIỆP	P2	27	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	TRẦN THANH LIÊM	P2	91	1	7		68	PSV	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG VĂN	P2	37	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	28	1	6		74	PSV	Vietnamese
15	LÊ TÙNG LÂM	P2	93	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	BUI ĐỨC CHÍNH	P2	92	1	5		64	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIÊM	P2	35	1	6		63	PSV	Vietnamese
18	TÀ QUANG PHÚC	P2	54-55	2	10		104	PSV	Vietnamese
19	PHAN THANH NAM	P2	90	1	7		74	PSV	Vietnamese
20	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	P2	32	1	5		57	PSV	Vietnamese
21	LÊ VINH QUANG	TGTH5	72-73	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH5	97-98	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	22	142	1.411	15	20		
2	TGTH5	2	4	24	131	0	2		
TOTAL		22	26	166	1.542	15	22		
WEIGHT KG				166	1.542	15			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23-Apr-18	TO: AMD - BK3 - P3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Toan	ETA: 11:15
Cam 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NHA	AMD	47	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM TUAN CHUNG	AMD	54	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO BA THANH	AMD	46	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DINH TUAN	AMD	48	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HUU DANG	AMD	44-45	2	10		83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	51	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM ANH DUC	AMD	50	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	49	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO QUANG THIET	AMD	53	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DUC HUNG	AMD	52	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG CONG AN	AMD	43	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC ANH	P3	77	1	6		75	ĐANG KIEN	Vietnamese
13	NG. QUANG TRUNG	P3	73-74	2	19		77	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUY KHUONG	P3	72	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN THANH	P3	66	1	5	40	54	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM TUAN KHAI	P3					76	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TUAN DAT	P3	78	1	5	10	76	KH-THAC	Vietnamese
18	LE KHAI DAT	P3	70-71	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN TRUONG	P3	67-68	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
20	CHAU DINH TU	P3	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN CONG THANH	P3	80	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN QUYEN	P3	69	1	2		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	12	96	797	0	8		
2	BK3	0	0	0	0	35	0-2		CHUYEN 2 PAX BK3 SANG P3
3	P3	11	13	76	750	50	14		
TOTAL		22	25	172	1.547	85	22		
WEIGHT KG				172	1.547	85			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: TD3 - P10 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUOC BAO	TD3					70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO VAN MAY	TD3	89-90	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VIET CUONG	TD3	87	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG GIANG	TD3	86	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN THINH	TD3	88	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	KHAERDINOV	TD3	85	1	5		70	KHOAN	Russian
7	NGUYEN NGOC LUU	P10	70-71	2	10		70	PSV	Vietnamese
8	BUI QUANG RANG	P10	75	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	TRAN VIET LY	P10	72-73	2	10	55	80	PSV	Vietnamese
10	TRAN VAN MINH	P10	74	1	4	40	90	PSV	Vietnamese
11	DO XUAN CHINH	P10	67	1	7		67	PSV	Vietnamese
12	VU HONG OANH	P10	66	1	5		74	PSV	Vietnamese
13	TRAN CAO MANH	P5	26-28	3	15		60	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG SY CHIEN	P5	17	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
15	LUONG VAN VIET	P5	22-23	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LE HUY CHUONG	P5	07-08	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUYEN	P5	10	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VIET CUONG	P5	04,19	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN SI HAI	P5	800	1	12		52	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRUONG	P5	307	1	4	20	65	PSV	Vietnamese
21	LE XUAN TINH	P5	05	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN SON	P5	01	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	6	35	421	0	4		
2	P10	6	8	41	451	95	5		
3	P5	10	15	111	645	20	13		
TOTAL		22	29	187	1.517	115	22		
WEIGHT KG				187	1.517	115			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: P1	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHai - Khanh - DSon -	ETA: 11:30
TRANG-2		THAO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN LONG BIEN	P1	99	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN HOANG NHAN	P1	23	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUY HUNG	P1	25-26	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THE VINH	P1	31	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN GIA CHUNG	P1	94	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	DO XUAN CHUONG	P1	28	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM ANH SON	P1	32	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LE KIEN TRUNG	P1	93	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	LE HUNG THANH	P1	30	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THUY	P1	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VU NAM CUONG	P1	33	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	VO HONG HAI	P1	91-92	2	20		59	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG DINH KHUE	P1	34	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DINH PHUC	P1	95	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN THANG	P1	29	1	2	38	50	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG VAN ĐỨC	P1	24	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI VAN TUAN	P1	987	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TRỌNG MINH	P1	96	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THONG	P1	58	1	3		60	PSV	Vietnamese
20	TRAN DUY HIEU	P1	59	1	3		65	PSV	Vietnamese
21	ĐAO VAN DUNG	P1	61	1	3		69	PSV	Vietnamese
22	NGHIEM NGOC LINH	P1	97	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	24	115	1.431	38	22		
	TOTAL	22	24	115	1.431	38	22		
	WEIGHT KG			115	1.431	38			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - Linh - THU	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT CƯỜNG	AMD	76-77	2	12	25	75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHI MẠNH HAI	AMD	78	1	2	48	84	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	55	1	4	46	71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN LỢI	AMD	79	1	4	45	60	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG MẠNH PHU	AMD	73	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ VĂN BÁC	AMD	67	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG ĐÌNH HAI	AMD	75	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ HỮU CHÍNH	AMD	74	1	11		56	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	68-69	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI QUANG HẠNH	AMD	70	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
11	VU HOANG DUNG	AMD	80-81	2	7		58	KH-THAC	Vietnamese
12	VUONG QUOC VIET	AMD	56-57	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUEYN DUY DAN	AMD	63	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUY HUNG	AMD	64-65	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG DUY	AMD	66	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU TAT THANG	AMD	71-72	2	12		61	KH-THAC	Vietnamese
17	DO TUAN KIET	AMD	62	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	LE ANH HAO	AMD	58-59	2	11		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TAN DAT	AMD	84-85	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
20	VU NGOC MINH	AMD	86-87	2	11		59	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. VU ĐỨC DUNG	AMD	60-61	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	31	196	1.396	164	19		
	TOTAL	21	31	196	1.396	164	19		
	WEIGHT KG			196	1.396	164			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: P9 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHai - Khanh - DSon -	ETA: 13:30
TRANG-3		THAO	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC MINH	P9	12	1	6		60	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CHIEU	P9	10-11	2	11		67	PSV	Vietnamese
3	PHAM CONG TUAN	P9	13	1	4	40	60	PSV	Vietnamese
4	VUONG THI LAN	P9	08	1	5		61	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TUYET	P9	09	1	5		53	PSV	Vietnamese
6	LAM VAN PHUC	P4	78	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN CHIEN	P4	41	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH SON	P4	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM XUAN HAI	P4	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG DINH MINH	P4	39	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN PHUOC LOC	P4	37-38	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THANH CAM	P4	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN NGOC MINH	P4	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN CONG TINH	P4	35	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH NAM	P4	79	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG KHAC DU	P4	45	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU THANH	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC HUNG	P4	36	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUNG BAY	P4	44	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN HUYEN	P4	42	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LAI MINH HOANG	P4	77	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TRONG PHUC	P4	34	1	5		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	6	31	301	40	5		
2	P4	17	17	80	1.132	0	17		
TOTAL		22	23	111	1.433	40	22		
WEIGHT KG				111	1.433	40			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2018	TO: TTC3 - P4 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hoi - MTuan - Toan	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG QUYET THANG	TTC3	28	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
2	VU NGOC TU	TTC3	29	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	TTC3	18	1	12	5	76	KH-THAC	Vietnamese
4	VO TRONG NHIEN	TTC3	19-20	2	10	35	48	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN NINH	P4	26-27	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG THANG LONG	P4	23	1	13	35	75	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	P4	28-29	2	13		69	XAYLAP	Vietnamese
8	LE TU KHA	P4	24-25	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VAN MUOI	P4	76	1	4		55	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG THANG	P4	30	1	4		83	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN AI	P4	75	1	5		55	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN THE NAM	P4	31	1	3		57	PSV	Vietnamese
13	ĐO KHAC ĐA	P4	74	1	4		63	PSV	Vietnamese
14	PHAM ĐUC CANH	P4					51	PSV	Vietnamese
15	DOAN DINH PHAC	P7	98	1	6	19	74	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM ĐANG GIANG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐANG KHOI NGUYEN	P7	400,63	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH VAN TOAN	P7	99,300	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM ĐAI PHONG	P7	66	1	10		67	YTE	Vietnamese
20	LE HUU LONG	P7	65	1	5		57	PSV	Vietnamese
21	ĐO LY KHANH	P7	97	1	7		85	PSV	Vietnamese
22	PHAM VAN TAI	P7	64	1	4		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	4	5	39	269	40	0		
2	P4	10	12	73	658	35	7		
3	P7	8	9	62	560	19	15		
TOTAL		22	26	174	1.487	94	22		
WEIGHT KG				174	1.487	94			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/04/2018	TO: PPD - BK6 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - HIẾU	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG SON	PPD	20	1	5		58	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN PHUC HAU	PPD	89	1	8		65	KHI	Vietnamese
3	LE THANH TRUNG	PPD	23	1	5		61	KHI	Vietnamese
4	DOAN DUY HUNG	PPD	19	1	9		85	KHI	Vietnamese
5	LUONG MANH DUONG	PPD	26	1	7		63	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	PPD	88	1	10		86	KHI	Vietnamese
7	HUYNH NAM LONG	PPD	18	1	10		72	KHI	Vietnamese
8	DOAN MANH TOAN	PPD					87	KHI	Vietnamese
9	LE QUANG NINH	PPD					63	KHI	Vietnamese
10	DUONG TRUONG LAM	PPD	24	1	5		69	KHI	Vietnamese
11	ĐINH VAN HAI	PPD	87	1	3		51	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	PPD	21	1	13		76	XAYLAP	Vietnamese
13	THIEU VAN LONG	PPD	81	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐANG ANH TUAN	PPD	82-84	3	19		50	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN KIM THONG	PPD	85	1	10	16	50	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VIET SON	PPD	27	1	11		49	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DINH TUAN	PPD	22	1	8		60	NIPI	Vietnamese
18	PHAN VAN ĐỨC	PPD	25	1	5		74	NIPI	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	BK6	29-30	2	8	40	77	KH-THAC	Vietnamese
20	LIU ĐỨC TUAN	BK6	31	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC AN	BK6	28	1	4		57	PSV	Vietnamese
22	MAI VAN TOAN	P5	30	1	5	16	61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	18	143	1.190	16	8		
2	BK6	3	4	16	214	40	6		
3	P5	1	1	5	61	16	8		
TOTAL		22	23	164	1.465	72	22		
WEIGHT KG				164	1.465	72			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN